

Số: **428** /BKHCN-PTTTDN

V/v xin ý kiến đối với dự thảo
Thông tư hướng dẫn quản lý Chương
trình phát triển thị trường khoa học và
công nghệ quốc gia đến năm 2030

Hà Nội, ngày **04** tháng **03** năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thực hiện Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 (dự thảo Thông tư).

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu và cho ý kiến đối với dự thảo Thông tư. Dự thảo Thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (www.most.gov.vn), mục Lấy ý kiến về văn bản KH&CN.

Văn bản góp ý của Quý cơ quan, đơn vị xin gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ) theo địa chỉ số 39 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội trước **ngày 15 tháng 3 năm 2022**.

(Thông tin chi tiết xin liên hệ: Phòng Phát triển thị trường công nghệ - Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; điện thoại: 024.38228873; Email: thitruongcongnghe.natec@gmail.com).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị. *tu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, PTTTĐN, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Tùng

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Số: /TTr-PTTĐN

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý
Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030**

Kính gửi: Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

Ngày 13/7/2021, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 1158/QĐ-TTg ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030. Đây là giai đoạn tiếp theo của Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 đã hết thời gian thực hiện. Tại Quyết định số 1158/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) việc “Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ và tài chính đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; theo thẩm quyền, trách nhiệm tiến hành việc sửa đổi, bổ sung quy định quản lý chương trình nếu cần thiết” (khoản 1 mục IV Điều 1).

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ (PTTĐN) đã tiến hành rà soát các văn bản liên quan và nhận thấy cần thiết xây dựng văn bản mới hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030 theo Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, thay thế các văn bản hướng dẫn thực hiện trước đây (thay thế Thông tư số 32/2014/TT-BKH&CN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Thông tư số 08/2016/TT-BKH&CN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKH&CN) của Bộ trưởng Bộ KH&CN với các lý do chính như sau:

1. Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN và Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN được ban hành căn cứ vào Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 đến nay đã hết thời gian thực hiện, được thay thế bởi Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030. Vì vậy, các nội dung quản lý, hướng dẫn triển khai cần được nghiên cứu, xây dựng mới cho phù hợp với các quy định mới tại Quyết định số 1158/QĐ-TTg, phù hợp với các quy định hiện hành đồng thời khắc phục được một số vướng mắc, tồn tại trong quá trình triển khai các văn bản giai đoạn trước đây.

2. Triển khai Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 được thống nhất, phù hợp với yêu cầu quản lý và phát triển theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Trong thực tế triển khai các văn bản hướng dẫn quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 trước đây đã nảy sinh một số khó khăn, tồn tại cần nghiên cứu, sửa đổi như việc hỗ trợ các dự án đầu tư thuộc Chương trình để đảm bảo nhiệm vụ và giải pháp thực hiện về phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục hành chính để thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kết nối với các thị trường khác.

2. Phối hợp và triển khai đồng bộ các chương trình, đề tài, dự án có liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Kế thừa, kiện toàn và khắc phục một số tồn tại, hạn chế các quy định về xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình tại Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Tổ chức xây dựng dự thảo Thông tư

- Xây dựng dự thảo Thông tư, họp Ban Soạn thảo, góp ý, thảo luận về

việc xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Thông tư; dự thảo Tờ trình, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng phụ trách về dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông tư và các tài liệu trong hồ sơ xây dựng dự thảo Thông tư.

2. Lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư

- Dự thảo Thông tư được gửi lấy ý kiến của các các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số....).

- Tổng hợp ý kiến góp ý, xây dựng thành Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến.

- Tổ chức họp báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng phụ trách về nội dung của dự thảo Thông tư sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Làm việc với Vụ Pháp chế về thẩm định dự thảo Thông tư.

IV. KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Về kết cấu dự thảo Thông tư: gồm 05 Chương, 25 Điều và 01 Phụ lục, cụ thể:

a) Chương I (từ Điều 1 đến Điều 5) về Quy định chung, gồm: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Nhiệm vụ thuộc Chương trình; Nguyên tắc chung xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình; Mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình.

b) Chương II (từ Điều 6 đến Điều 13) về Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ, gồm: Đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình; Dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ; Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Dự án đầu tư, phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ.

c) Chương III (từ Điều 14 đến Điều 17) về Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, gồm: Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình; Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Xác định, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc Chương trình; Kinh phí thực hiện Chương trình.

d) Chương IV (từ Điều 18 đến Điều 23) về Tổ chức quản lý Chương trình, gồm: Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ; Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình; Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; Ban Chủ nhiệm Chương trình; Trách nhiệm, quyền hạn của các bộ, ngành, địa phương; Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

đ) Chương V (từ Điều 24 đến Điều 25) về Điều khoản thi hành, gồm: Hiệu lực thi hành; Trách nhiệm thi hành.

e) Phụ lục bao gồm 32 biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư.

2. Dự thảo Thông tư quy định các nội dung chính như sau:

a) Quy định về nhiệm vụ thuộc Chương trình gồm: [1] Đề tài khoa học và công nghệ; [2] Dự án khoa học và công nghệ (*Dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ; Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ*); [3] Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ; [4] Dự án đầu tư, phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ.

b) Quy định về xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình; xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ; xác định, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc Chương trình.

c) Quy định về trách nhiệm của Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình là Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ như sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ; thống nhất với các đơn vị có liên quan về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí thông qua Vụ Kế hoạch-Tài Chính trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

- Tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt; tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Chủ trì xây dựng báo cáo định kỳ, sơ kết giữa kỳ, báo cáo đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hình thức khen thưởng tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có biện pháp xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Tư vấn, hỗ trợ hoạt động giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ được tạo ra từ các nhiệm vụ thuộc Chương trình; báo cáo tình hình khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ tạo ra từ các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Xây dựng, duy trì, cập nhật tình hình thực hiện các nhiệm vụ trên trang tin điện tử của Chương trình; thông tin tuyên truyền về hoạt động của Chương trình; phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

d) Quy định về trách nhiệm của đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình là Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia như sau:

- Phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ tài chính, quản lý kinh phí, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí; kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất nhiệm vụ, điều chỉnh kinh phí, chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ;.

- Phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện xây dựng kế hoạch, lập dự toán ngân sách thực hiện Chương trình; tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ của Chương trình; trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của các nhiệm vụ.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng báo cáo định kỳ, sơ kết giữa kỳ, báo cáo đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình, tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình theo chức năng được phân công.

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị có liên quan xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ của Chương trình và các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý kinh phí thực hiện Chương trình theo các quy định quản lý tài chính của Chương trình và các quy định hiện hành về sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

đ) Quy định về Ban Chủ nhiệm Chương trình như sau:

- Ban Chủ nhiệm Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập. Ban Chủ nhiệm Chương trình gồm 07 đến 09 thành viên, trong đó có Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên thư ký và các ủy viên khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm.

- Ban Chủ nhiệm Chương trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia và Quy chế hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Trên đây là dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030, Cục PTTTDN kính trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu VT, TT.

CỤC TRƯỞNG

Số: /2022/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển thị trường
khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*) được phê duyệt tại Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện, quản lý Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thị trường khoa học và công nghệ* là môi trường pháp lý, đầu tư và thương mại, nơi diễn ra quan hệ giao dịch, trao đổi, mua bán các sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa khoa học và công nghệ; được vận hành có sự định hướng, điều tiết và hỗ trợ của Nhà nước.

2. *Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ* (sau đây gọi tắt là *tổ chức trung gian*) là tổ chức cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá, thẩm định giá, giám định công nghệ, dịch vụ kết nối, hỗ trợ bên cung, bên cầu và các bên khác trong giao dịch liên quan đến công nghệ;

3. *Thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ* là hoạt động khai thác, hoàn thiện, ứng dụng, chuyển giao, hoạt động khác có liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ nhằm mục đích thu lợi nhuận.

4. *Xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ* là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội, hỗ trợ giao dịch, trao đổi, mua bán sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ thông qua các hình thức như chợ công nghệ và thiết bị, hội chợ, triển lãm, trình diễn, giới thiệu, kết nối cung-cầu công nghệ ở trong và ngoài nước.

5. *Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ* là các hoạt động đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng mục tiêu phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

6. *Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030* (sau đây gọi tắt là *Ban Chủ nhiệm Chương trình*) là tổ chức tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình, do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động.

Điều 3. Nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm:

a) Đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

b) Dự án khoa học và công nghệ được quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11 của Thông tư này;

c) Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 12 của Thông tư này;

d) Dự án đầu tư, phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 13 của Thông tư này;

đ) Hoạt động quản lý của Chương trình được quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Hoạt động quản lý Chương trình bao gồm:

a) Hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình; hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Tổ chức tọa đàm, hội thảo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình;

c) Tổng hợp, đánh giá kết quả hàng năm báo cáo lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ và Thủ tướng Chính phủ;

d) Truyền thông, tập huấn về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình;

đ) Tổ chức các chương trình tham quan, khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm từ các mô hình phát triển thị trường khoa học và công nghệ thành công, tiêu biểu ở trong nước và nước ngoài;

e) Các hoạt động khác trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

Điều 4. Nguyên tắc chung xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình

Việc xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình tuân theo nguyên tắc sau đây:

1. Có nội dung phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình được quy định trong Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 và Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Có mục tiêu rõ ràng, cụ thể và có tác động tích cực đến tăng trưởng giao dịch công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Có tính khả thi, trong đó tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện cần thiết về năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

4. Ưu tiên nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu phát triển của một số lĩnh vực, ngành hàng xuất khẩu chủ lực; khuyến khích hỗ trợ thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước.

5. Ưu tiên nhiệm vụ có phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ giữa doanh nghiệp Việt Nam với viện nghiên cứu, trường đại học, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp trong nước và đối tác nước ngoài.

6. Việc xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình được thực hiện hàng năm hoặc theo yêu cầu của thực tiễn.

Điều 5. Mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình

Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện việc ghi mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1

Điều 3 của Thông tư này, tương ứng như sau:

TTKHCN.ĐT.XX-YY;

TTKHCN.DA.XX-YY;

TTKHCN.HNĐK.XX-YY.

TTKHCN.DAĐT.XX-YY.

Trong đó:

TTKHCN là ký hiệu của Chương trình;

ĐT là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức đề tài;

DA là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức dự án;

HNĐK là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức nhiệm vụ hàng năm, định kỳ;

DAĐT ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức dự án đầu tư, phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ;

XX là ký hiệu số thứ tự của hồ sơ đăng ký;

YY là ký hiệu năm tiếp nhận hồ sơ đăng ký;

Ví dụ: TTKHCN.DA.01-2022 để chỉ hồ sơ đăng ký dưới dạng dự án số 01 được tiếp nhận vào năm 2022 thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN, NỘI DUNG HỖ TRỢ

Điều 6. Đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Mục tiêu, nội dung và sản phẩm nghiên cứu phù hợp với mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình;

c) Có đội ngũ chuyên gia có năng lực nghiên cứu và đưa ra giải pháp khả thi cho những vấn đề thực tiễn để phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy các giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ.

b) Nghiên cứu và xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; cơ chế liên thông thị trường khoa học và công nghệ với các thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính và lao

động; cơ chế đẩy mạnh hợp tác viện, trường - doanh nghiệp; chính sách thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh.

c) Nghiên cứu và đề xuất cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng có hiệu quả chuyên gia khoa học và công nghệ là người nước ngoài và chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ của Việt Nam.

d) Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, chế độ báo cáo thống kê của thị trường khoa học và công nghệ.

đ) Nghiên cứu và phân tích đánh giá nguồn cầu và cung công nghệ của một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực để xác định giá trị giao dịch hàng hóa và tỷ trọng giao dịch công nghệ.

Điều 7. Dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn:

a) Tổ chức trung gian có vai trò đầu mối mạng lưới, cung cấp nền tảng, công cụ, dịch vụ công có tính hệ thống về thị trường khoa học và công nghệ, bao gồm: cung cấp thông tin dữ liệu tích hợp về nguồn cung, nguồn cầu công nghệ; cung cấp công cụ dùng chung phục vụ khai thác, phân tích, đánh giá thị trường khoa học và công nghệ,...;

b) Tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá, thẩm định giá, giám định công nghệ; dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ; dịch vụ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tư vấn đầu tư, xúc tiến thương mại, hỗ trợ khởi nghiệp, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, giải mã công nghệ.

c) Tổ chức có chức năng kết nối mạng lưới các sản phẩm giao dịch công nghệ, các tổ dịch vụ khoa học và công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp với các trung tâm ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực.

d) Tổ chức có chức năng thu hút và kết nối các chuyên gia trong nước và quốc tế để hỗ trợ tư vấn phát triển thị trường khoa học và công nghệ; triển khai sự kiện, thúc đẩy kết nối mạng lưới chuyên gia quốc tế, đặc biệt chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ hoạt động tư vấn, xây dựng, thẩm định đề án thành lập, nâng cao năng lực tổ chức, hoạt động của tổ chức trung gian; mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ; hỗ trợ thành lập hiệp hội tư vấn, xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam, tham gia và trở thành thành

viên của hiệp hội tư vấn xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ quốc tế;

b) Hỗ trợ thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài về môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ; đánh giá, định giá, thẩm định giá, giám định công nghệ; Hỗ trợ xây dựng phương án thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, quản trị tài sản trí tuệ, giải mã công nghệ, hình thành doanh nghiệp tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học;

c) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về thành lập, quản lý, điều hành tổ chức trung gian; đào tạo nhân lực chuyên môn cho tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia;

d) Hỗ trợ hoạt động thuộc chức năng của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ;

đ) Tổ chức, tham gia các sự kiện về xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; chợ công nghệ và thiết bị; trình diễn kết nối cung cầu công nghệ; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài.

e) Hỗ trợ xây dựng, duy trì, cập nhật, số hóa và phát triển cơ sở dữ liệu, công thông tin, trang thông tin điện tử phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

g) Hỗ trợ sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ, sản phẩm công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tra cứu, thu thập và cung cấp thông tin về công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, chuyên gia công nghệ, nhu cầu công nghệ.

h) Hỗ trợ xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia khoa học và công nghệ nước ngoài tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam;

Điều 8. Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ cán bộ, chuyên gia, cộng tác viên có khả năng chuyên môn phù hợp với công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước, đào tạo qua mạng thông tin điện tử về kiến thức, kỹ năng, thực hành chuyển giao, làm chủ công nghệ; kiến thức, kỹ năng, thực hành quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động phát triển thị

trường khoa học và công nghệ;

b) Hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước, đào tạo qua mạng thông tin điện tử về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; môi giới, tư vấn, xúc tiến, chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá, thẩm định giá, giám định công nghệ phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Hỗ trợ biên soạn, cập nhật phát hành chương trình đào tạo, giáo trình môn học, tài liệu kỹ thuật, tài liệu mẫu, tài liệu hướng dẫn giao dịch công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; cung cấp, hướng dẫn khai thác thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình trao đổi chuyên gia, thực tập viên để chia sẻ kinh nghiệm thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ giữa các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

Điều 9. Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn:

a) Tổ chức, cá nhân có khả năng xây dựng phương án, mô hình, giải pháp khả thi để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; hoặc

b) Tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa và khả năng tăng trưởng về quy mô thị trường; hoặc

c) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu và năng lực khai thác công nghệ có nguồn gốc từ các viện nghiên cứu, trường đại học Việt Nam; tiếp nhận, làm chủ công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch từ các nước phát triển gắn với ngành hàng xuất khẩu chủ lực.

2. Nội dung hỗ trợ dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ từ ngân sách nhà nước

a) Hỗ trợ điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường: khảo sát đánh giá nhu cầu thị trường, khách hàng tiềm năng, đối thủ cạnh tranh; nghiên cứu đánh giá mức độ phù hợp của sản phẩm và công nghệ với nhu cầu thị trường;

b) Hỗ trợ nâng cấp quy trình công nghệ và hoàn thiện sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường: hỗ trợ nghiên cứu, phân tích, đánh giá công nghệ, sản phẩm và xây dựng phương án nâng cấp quy trình công nghệ tối ưu; thiết kế kỹ thuật, thiết kế chế tạo sản phẩm của dự án, hoàn thiện, đổi mới dây chuyền sản xuất, bổ sung hoặc làm mới thiết bị máy móc và dụng cụ kiểm tra, đo lường...;

c) Hỗ trợ sản xuất sản phẩm thử nghiệm, mô hình mẫu, sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;

d) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm định, hiệu chuẩn công nghệ, hiệu chuẩn sản phẩm công nghệ; Cấp phép lưu hành công nghệ, sản phẩm công nghệ; Hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ.

đ) Hỗ trợ đánh giá, định giá, thẩm định giá công nghệ, sản phẩm công nghệ; Hỗ trợ xây dựng phương án thương mại hoá công nghệ và sản phẩm được tạo ra từ công nghệ;

e) Hỗ trợ các hoạt động khác phục vụ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ: Hỗ trợ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng, thực hành chuyển giao, làm chủ công nghệ; Hỗ trợ tham gia các sự kiện xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế; Hỗ trợ xây dựng kịch bản, sản phẩm truyền thông theo chuyên đề về thương mại hóa công nghệ, sản phẩm công nghệ,...

Điều 10. Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

b) Có kinh nghiệm, năng lực thực hiện hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

c) Có kế hoạch phát triển ngành hàng cụ thể của thị trường khoa học và công nghệ và khả năng huy động các nguồn lực thực hiện dự án.

d) Xác định được cách thức, biện pháp đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường khoa học và công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin, xác định đối tượng tiềm năng, của hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

b) Hỗ trợ tổ chức chương trình hợp tác xúc tiến công nghệ và chia sẻ chuyên gia giữa tổ chức khoa học và công nghệ trong nước với các đối tác công nghệ quốc tế.

c) Hỗ trợ tổ chức các sự kiện về xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; chợ công nghệ và thiết bị; trình diễn kết nối cung cầu công nghệ; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài, bao gồm các hoạt động sau:

- Hoạt động của chuyên gia tư vấn chỉ đạo, thiết kế mỹ thuật, trang trí tổng thể, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng;
- Lễ khai mạc, hoạt động của người dẫn chương trình, hỗ trợ kỹ thuật;
- Hoạt động của người tham gia sự kiện, bao gồm đi lại, ăn ở, vận chuyển trang thiết bị, hàng mẫu, mô hình;
- Hoạt động của ban tổ chức, hội đồng tư vấn, hội đồng xét thưởng, chuyên gia tư vấn, nhà khoa học độc lập, người tham gia trưng bày gian hàng, các thành phần khác tham gia sự kiện;
- Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; Tổ chức giới thiệu, tổng hợp thông tin và lập dữ liệu điện tử để phục vụ sự kiện;
- In ấn tài liệu cần thiết (brochure, catalog, giấy mời...) của sự kiện;
- Dịch thuật; tổ chức hội thảo khoa học và công nghệ;
- Khảo sát nhu cầu mua bán công nghệ và thiết bị phục vụ hoạt động kết nối tại các sự kiện;
- Thuê mặt bằng (bao gồm cả an ninh, bảo vệ, y tế, điện nước); dàn dựng gian hàng; trưng bày sản phẩm;
- Khen thưởng (bằng khen, giấy khen), giấy chứng nhận, phù điêu, kỷ niệm chương; tổ chức lễ trao thưởng, lễ bế mạc;
- Các hoạt động cần thiết khác.

Điều 11. Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

- a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ triển khai các hoạt động truyền thông để phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
- b) Có đội ngũ nhân lực, cộng tác viên có nghiệp vụ chuyên môn thực hiện các hoạt động truyền thông để phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
- c) Xác định được đúng nhu cầu, có mục tiêu cụ thể, chiến lược hoạt động rõ ràng.
- d) Xác định được phương thức, dự kiến hiệu quả của hoạt động truyền thông; cách thức truyền thông có sức tác động mạnh mẽ và lan toả rộng rãi.

2. Nội dung hỗ trợ

- a) Truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng:
 - Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề, bản tin, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về đổi mới sáng tạo, liên kết đầu tư nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

- Xây dựng ấn phẩm về phát triển thị trường khoa học và công nghệ bao gồm ấn phẩm in và ấn phẩm điện tử, trong đó xây dựng bộ ấn phẩm chuyên về công nghệ cho một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực.

- Sản xuất phim, phóng sự, video clip, thông điệp nhằm quảng bá về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

- Đăng tải thông tin quảng bá về công nghệ, sản phẩm tạo ra từ công nghệ thông qua hệ thống trang thông tin điện tử của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

b) Truyền thông lồng ghép qua sự kiện về xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; chợ công nghệ và thiết bị; trình diễn kết nối cung cầu công nghệ; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài.

c) Truyền thông qua hệ thống Internet:

- Truyền tải các thông điệp, thông tin về phát triển thị trường khoa học và công nghệ bằng nhiều hình thức khác nhau trên mạng Internet và mạng xã hội; chuyển tải nội dung, tài liệu bản in sang bản điện tử đưa lên mạng internet.

- Sản xuất các đoạn phim ngắn, video clip đăng, phát trên mạng xã hội nhằm cung cấp hình ảnh trực quan, sống động nhất giúp cho quảng bá công nghệ, sản phẩm tạo ra từ công nghệ.

d) Truyền thông qua các hoạt động khác:

- Cung cấp tài liệu truyền thông về phát triển thị trường khoa học và công nghệ đưa lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí trung ương và địa phương tham khảo.

- Tổ chức cuộc thi tuyên truyền quảng bá hình ảnh về phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

- Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền về phát triển thị trường khoa học và công nghệ cho đội ngũ: Phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí trung ương và địa phương; đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở.

Điều 12. Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức công lập có chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

b) Có có kinh nghiệm, năng lực thực hiện hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

c) Xác định được nội dung và giải pháp khả thi phát triển của thị trường khoa

học và công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Tổ chức hoặc tham gia các sự kiện xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ quốc gia, quốc tế: chợ công nghệ và thiết bị; hội chợ công nghệ; triển lãm công nghệ, kết nối cung cầu công nghệ theo vùng, địa phương và chuyên ngành; tổ chức hội thảo, triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ sở nghiên cứu, đào tạo; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài; hội nghị phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hội nghị phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Hỗ trợ xây dựng, cập nhật, vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu, cổng thông tin, trang thông tin điện tử, nền tảng kỹ thuật tích hợp dùng chung về thị trường khoa học và công nghệ; Số hoá các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hoá trên thị trường.

c) Vận hành khai thác Cổng thông tin quốc gia về thị trường khoa học và công nghệ.

d) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về thị trường khoa học và công nghệ.

đ) Tổng hợp, phân tích tình hình giao dịch công nghệ trên thị trường, thống kê nguồn cung, nguồn cầu công nghệ; xuất bản báo cáo phân tích về phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

e) Hỗ trợ các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ trong các hoạt động khai thác thông tin về công nghệ, sở hữu trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trong nước và ngoài nước; các dịch vụ tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ, định giá, thẩm định giá và giám định công nghệ.

g) Tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

h) Các hoạt động cần thiết khác để xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

i) Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá hoạt động, xúc tiến thương mại hóa công nghệ, sản phẩm tạo ra từ công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản giao dịch công nghệ và các trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 13. Dự án đầu tư, phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tiêu chí, lựa chọn dự án ứng dụng công nghệ thông tin

- Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

- Tổ chức có kinh nghiệm, năng lực phù hợp với yêu cầu triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

b) Tiêu chí, điều kiện lựa chọn dự án đầu tư xây dựng và phát triển sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ.

- Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ được cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc nằm trong kế hoạch/đề án/chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ ngành, địa phương.

- Dự án xây dựng và phát triển sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ có tính khả thi, hiệu quả và có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ của các vùng kinh tế, thúc đẩy giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Xây dựng các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, và một số sàn giao dịch công nghệ cấp vùng và chuyên ngành, trung tâm giao dịch công nghệ công lập thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Xây dựng cổng thông tin quốc gia, cơ sở dữ liệu và nền tảng kỹ thuật tích hợp dùng chung (phần mềm quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; phần mềm quản lý giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu; phần mềm quản lý hoạt động môi giới, tư vấn chuyển giao công nghệ, đáng giá, định giá, thẩm định giá và giám định công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ; nền tảng kỹ thuật tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm, chợ công nghệ và thiết bị trực tuyến; mạng xã hội và diễn đàn trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài; nền tảng quản lý vận hành, kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu) về thị trường khoa học và công nghệ.

c) Thiết kế và ứng dụng các công cụ phân tích, thống kê, số hóa và xử lý dữ liệu công nghệ; quản trị giao dịch và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ.

Chương III

XÁC ĐỊNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 14. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Đề xuất, xác định các nhiệm vụ

a) Căn cứ mục tiêu, nội dung của Chương trình và tiêu chí nhiệm vụ quy định

tại Chương II của Thông tư này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban chủ nhiệm Chương trình, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đề xuất nhiệm vụ và đề xuất đặt hàng nhiệm vụ gửi Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Phiếu đề xuất các nhiệm vụ áp dụng biểu A1.1-PĐX-ĐT (phiếu đề xuất Đề tài khoa học), A1.2-PĐX-TG (phiếu đề xuất Dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ), A1.3-PĐX-ĐT (phiếu đề xuất Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ), A1.4-PĐX-TMH (phiếu đề xuất Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ), A1.5-PĐX-XT (phiếu đề xuất Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ), A1.6-PĐX-TT (phiếu đề xuất Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ) tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này.

b) Trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

Phiếu nhận xét, đánh giá nhiệm vụ áp dụng theo biểu A2.1-PĐG-ĐT (ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Đề tài khoa học), A2.2-PĐG-TG (ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ), A2.3-PĐG-ĐT (ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ), A2.4-PĐG-TMH (ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ), A2.5-PĐG-XT (ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ), A2.6-PĐG-TT (ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ) được quy định tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này.

2. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ

Nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo Thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Thuyết minh đề tài áp dụng theo biểu B1.1-TM-ĐT (thuyết minh Đề tài khoa

học), B1.2-TM-DATG (thuyết minh Dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ), B1.3-TM-DAĐT (thuyết minh Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ), B1.4-TM-DATMH (thuyết minh Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ), B1.5-TM-DAXT (thuyết minh Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ), B1.6-TM-DATT (thuyết minh Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ) được quy định tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này.

Phiếu đánh giá hồ sơ nhiệm vụ áp dụng theo biểu B2.1-PĐG-ĐT (phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài khoa học), B2.2-PĐG-DATG (phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ), B2.3-PĐG-DAĐT (phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ), B2.4-PĐG-DATMH (phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ), B2.5-PĐG-DAXT (phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ), B2.6-PĐG-DATT (phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ) được quy định tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này.

3. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ

Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ gồm 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng là lãnh đạo Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Tổ phó là đại diện Vụ Kế hoạch – Tài chính; 01 thành viên là đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình; 01 thành viên là đại diện Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia; 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên phản biện của Hội đồng tuyển chọn.

Trường hợp đặc biệt Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên của Tổ thẩm định kinh phí khác với quy định này.

Nguyên tắc, trình tự, biểu mẫu, nội dung làm việc của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ và phê duyệt nhiệm vụ thực hiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (theo mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

5. Kiểm tra, đánh giá định kỳ, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

Trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Trình tự, thủ tục đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Báo cáo tổng hợp kết quả của nhiệm vụ theo biểu B3-BCTH (báo cáo tổng hợp nhiệm vụ) tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này.

7. Yêu cầu tra cứu thông tin đối với các nhiệm vụ quy định tại Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11 theo mẫu B7-YCTrC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Đăng ký, lưu giữ, xử lý tài sản, quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ

a) Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Việc xử lý tài sản, giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hiện hành có liên quan.

9. Các tài liệu khác áp dụng mẫu tương ứng theo quy định của các văn bản pháp luật.

Điều 15. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Hàng năm, các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ gửi thuyết minh nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo mẫu C1-TMHNDK quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính rà soát, tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định danh mục nhiệm vụ.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc

tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn và thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ (*sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định*).

3. Hội đồng thẩm định:

a) Thành phần hội đồng thẩm định gồm 05 thành viên, trong đó: Chủ tịch hội đồng là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình; Phó chủ tịch hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực phát triển thị trường khoa học và công nghệ; 01 thành viên là đại diện Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 01 thành viên là đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính và 01 thành viên là đại diện Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Thư ký hành chính của Hội đồng thẩm định có trách nhiệm chuẩn bị và gửi tài liệu đến tất cả thành viên Hội đồng.

b) Nguyên tắc làm việc của hội đồng thẩm định:

- Phải có mặt ít nhất 4/5 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

- Hội đồng lập Biên bản thẩm định nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mẫu C2-BBTĐHNĐK quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Căn cứ kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt giao trực tiếp đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí thực hiện và thời gian thực hiện nhiệm vụ.

5. Căn cứ Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì theo mẫu C3-HĐHNĐK quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thông qua Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh nội dung, tiến độ, kinh phí trong thuyết minh đã được phê duyệt theo quy định hiện hành.

7. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu C4-BCKQHNDK quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ để tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ.

8. Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

a) Thành phần hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ gồm 05 thành viên, trong đó: Chủ tịch hội đồng là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình; Phó chủ tịch

hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực phát triển thị trường khoa học và công nghệ; 01 thành viên là đại diện Vụ Kế hoạch – Tài chính, 01 thành viên là đại diện Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Thư ký hành chính của Hội đồng đánh giá nghiệm thu có trách nhiệm chuẩn bị và gửi tài liệu đến tất cả thành viên Hội đồng.

b) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

- Phải có mặt ít nhất 4/5 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền.

- Hội đồng lập Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu C5-BBNTHNDK quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Căn cứ Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Thủ tục thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo mẫu C6-TLHĐHNDK quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Xác định, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc Chương trình

1. Đối với nhiệm vụ được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định nhiệm vụ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành sau:

a) Dự án đầu tư, phát triển các sản phẩm công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ thực hiện theo quy trình và thủ tục được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019 và Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công.

b) Dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường KH&CN có nội dung đầu tư cơ sở vật chất đi kèm trang thiết bị và phần mềm (sử dụng vốn đầu tư phát triển trung hạn) sẽ thực hiện theo các quy trình, thủ tục được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019 và Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công.

c) Dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường KH&CN có nội dung phát triển phần mềm có kèm hoặc không kèm trang thiết bị (sử dụng vốn phát triển tiềm lực công nghệ thông tin) sẽ thực hiện theo các quy trình, thủ tục được quy định tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

d) Dự án khác, thực hiện theo cơ chế đề xuất đặt hàng trong nội dung có nhiệm vụ xây dựng phần mềm/nền tảng tích hợp dùng chung/các công cụ kỹ thuật có kèm theo các hoạt động tư vấn, kết nối, xúc tiến chuyển giao công nghệ được thực hiện theo các quy trình thủ tục tại Điều 15 của Thông tư này.

2. Đối với nhiệm vụ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

3. Thủ tục thẩm định, tổ chức thực hiện, điều chỉnh nội dung tiến độ thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ liên quan đến dự án đầu tư, phát triển các sản phẩm giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ, phát triển hạ quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ được thực hiện theo Luật đầu tư công và các văn bản pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn: ngân sách nhà nước; vốn và tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước chi kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động quản lý Chương trình nêu tại Điều 3 Thông tư này.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định này thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

4. Sau khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được triển khai các nội dung thuộc kinh phí đối ứng ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện dự án.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13 tháng 07 năm 2021 ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn các tổ chức đăng ký tham gia, thực hiện Chương trình.

3. Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ; quyết định phê duyệt và giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

4. Phê duyệt nội dung, kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ của Chương trình; hướng dẫn bộ, ngành, địa phương tự bố trí kinh phí lồng ghép và phê duyệt, tổ chức triển khai.

5. Phê duyệt nội dung và kinh phí hoạt động của Chương trình để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm.

6. Phê duyệt kế hoạch, mục tiêu, nội dung, dự toán kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình; đình chỉ và hủy bỏ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khi cần thiết; xử lý các vấn đề phát sinh từ các nhiệm vụ bị đình chỉ hoặc hủy bỏ.

7. Phê duyệt quyết toán kinh phí của các nhiệm vụ thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động của Chương trình.

Điều 19. Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình

Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình là Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ; thống nhất với các đơn vị có liên quan về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí thông qua Vụ Kế hoạch-Tài Chính trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

2. Tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt; tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Chủ trì xây dựng báo cáo định kỳ, sơ kết giữa kỳ, báo cáo đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình.

4. Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hình thức khen thưởng tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có biện pháp xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

6. Tư vấn, hỗ trợ hoạt động giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ được tạo ra từ

các nhiệm vụ thuộc Chương trình; báo cáo tình hình khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ tạo ra từ các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

7. Xây dựng, duy trì, cập nhật tình hình thực hiện các nhiệm vụ trên trang tin điện tử của Chương trình; thông tin tuyên truyền về hoạt động của Chương trình; phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

Điều 20. Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình

Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình là Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ tài chính, quản lý kinh phí, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí; kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất nhiệm vụ, điều chỉnh kinh phí, chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ.

2. Phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện xây dựng kế hoạch, lập dự toán ngân sách thực hiện Chương trình; tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ của Chương trình; trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của các nhiệm vụ.

3. Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng báo cáo định kỳ, sơ kết giữa kỳ, báo cáo đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình, tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình theo chức năng được phân công.

4. Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị có liên quan xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ của Chương trình và các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý kinh phí thực hiện Chương trình theo các quy định quản lý tài chính của Chương trình và các quy định hiện hành về sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Điều 21. Ban Chủ nhiệm Chương trình

1. Ban Chủ nhiệm Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập. Ban Chủ nhiệm Chương trình gồm 07 đến 09 thành viên, trong đó có Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên thư ký và các ủy viên khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm.

2. Ban Chủ nhiệm Chương trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công

nghe cấp quốc gia và Quy chế hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 22. Trách nhiệm, quyền hạn của các bộ, ngành, địa phương

1. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất nhiệm vụ và đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2014/TT-BKHCN, hướng dẫn xây dựng kế hoạch và triển khai chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Bố trí kinh phí, quản lý việc tổ chức thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc Chương trình được lồng ghép với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

3. Trong trường hợp cần thiết, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hạng mục kinh phí và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình đã được phê duyệt.

4. Định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi báo cáo về tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình cho Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Xây dựng chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương trên cơ sở các nội dung của Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030; huy động các nguồn kinh phí khác theo quy định để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 23. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ tuyển chọn, thẩm định nhiệm vụ theo quy định;

b) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Bộ Khoa học và Công nghệ; chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện, quản lý, khai thác và chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ, tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của nhiệm vụ và quản lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (6 tháng, hàng năm); nêu các vấn đề phát sinh, đề xuất phương án giải quyết và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ theo quy định; tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình cấp phát, sử dụng và quyết toán kinh phí hàng năm và tổng quyết toán khi kết thúc nhiệm vụ;

đ) Chủ trì việc tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chủ nhiệm có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giá trị khoa học, trình độ công nghệ, hiệu quả của nhiệm vụ; có phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ;

b) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ theo quy định;

c) Đề xuất, kiến nghị với tổ chức chủ trì nhiệm vụ về những điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

d) Phối hợp với tổ chức chủ trì thực hiện việc công bố, giao nộp, chuyển giao kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022 và thay thế cho Thông tư 32/2014/TT-BKHCN ngày 6 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Thông tư 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Thông tư này hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân, tham gia thực hiện Chương trình.2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN/Cơ quan tương đương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, PTTTĐN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tùng

Phụ lục
MẪU ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BKHCN ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Phiếu đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030:

- **Biểu A1.1-PDX:** Phiếu đề xuất Đề tài khoa học.
- **Biểu A1.2-PDX-DATG:** Phiếu đề xuất Dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ
- **Biểu A1.3-PDX-DADT:** Phiếu đề xuất Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ
- **Biểu A1.4-PDX-DATMH:** Phiếu đề xuất Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ
- **Biểu A1.5-PDX-DAXT:** Phiếu đề xuất Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ
- **Biểu A1.6-PDX-DATT:** Phiếu đề xuất Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ

II. Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đề tài, dự án thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030:

- **Biểu A2.1-PDG-DT:** Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất Đề tài khoa học.
- **Biểu A2.2-PDG-DATG:** Ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ.
- **Biểu A2.3-PDG-DADT:** Ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ
- **Biểu A2.4-PDG-DATMH:** Ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
- **Biểu A2.5-PDG-DAXT:** Ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
- **Biểu A2.6-PDG-DATT:** Ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

III. Mẫu thuyết minh đề tài, dự án thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030:

Biểu B1.1-TMDT: Thuyết minh đề tài khoa học.

Biểu B1.2-TMNV-TG: Thuyết minh dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ.

Biểu B1.3-TMNV-ĐT: Thuyết minh dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Biểu B1.4-TMNV-TMH: Thuyết minh dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

Biểu B1.5-TMNV-XT: Thuyết minh dự án cho nhóm nhiệm vụ xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Biểu B1.6- TMNV-TT: Thuyết minh dự án cho nhóm nhiệm vụ truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Biểu B1.7-TMNV-HT: Thuyết minh dự án cho nhóm nhiệm vụ phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ.

IV. Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 và hướng dẫn báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ.

1. **Biểu B2.1-PDG-TMDT:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài khoa học.

2. **Biểu B2.2-PDG-TMNV-TG:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án phát triển tổ chức trung gian, mạng lưới tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia của thị trường khoa học và công nghệ.

3. **Biểu B2.3-PDG-TMNV-ĐT:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

4. **Biểu B2.4-PDG-TMNV-TMH:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

5. **Biểu B2.5-PDG-TMNV-XT:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

6. **Biểu B2.6-PDG-TMNV-TT:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ

7. **Biểu B2.7-PDG-TMNV-HT:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án thuộc nhóm nhiệm vụ phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ.

8. **Biểu B3-BCTH:** Hướng dẫn Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ.

9. **Biểu B4-YCTrC:** Phiếu yêu cầu tra cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

V. Mẫu phiếu thực hiện nhiệm vụ khác triển khai hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

10. **Biểu C1-TMĐK:** Thuyết minh nhiệm vụ khác triển khai hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

11. **Biểu C2-BBTĐĐK:** Biên bản thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ khác triển khai hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

12. **Biểu C3-HĐ:** Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khác triển khai hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

13. **Biểu C4-BCKQ:** Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khác triển khai hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

14. **Biểu C5-BBNTĐK:** Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khác triển khai hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

15. **Biểu C6-TLHĐ:** Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khác triển khai hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.